

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 20/2020/HS-ST
Ngày: 27-4-2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ánh Nhạn
2. Ông Trần Văn Rọi

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Xuân Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 13/2020/HSST ngày 28 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo:

Phạm Văn T (tên gọi khác: không có) sinh năm 1993, tại tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: ấp LH, xã LC, huyện BC, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: không có; trình độ học vấn: 12/12, quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không có; con ông: Phạm Văn C, sinh năm: 1968 và bà: **Lê Thị H, sinh năm: 1973**; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không có; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/12/2019 đến nay.

- Bị hại:

1/ Anh Nguyễn Hoàng S, sinh năm: 1985, địa chỉ: ấp PB, xã PT, huyện GD, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

2/ Anh Trần Minh T, sinh năm: 1985, ấp PĐ, xã PĐ, huyện GD, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

3/ Anh Tô Trường P, sinh năm: 1993, địa chỉ: ấp TL, xã TB, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

4/ Anh Nguyễn Minh N, sinh năm: 1992, địa chỉ: ấp XB, xã HT, huyện GD, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có nghề nghiệp, thường xuyên qua Casino Campuchia đánh bạc và đang thiếu nợ nhiều người nên bị cáo Phạm Văn T nảy sinh ý định tìm nhiều người quan để giả vờ hỏi mượn xe mô tô đem cầm cố lấy tiền đánh bạc. Với thủ đoạn trên, từ ngày 10-10-2019 đến ngày 11-10-2019 bị cáo T đã thực hiện liên tiếp bốn vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị hại, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 09 giờ ngày 10-10-2019, bị cáo Tú đến nhà trọ KL thuộc ấp PĐ, xã PĐ, huyện GD, tỉnh Tây Ninh gặp anh Tô Trường P hỏi mượn tiền trả nợ nhưng anh P không có nên bị cáo T giả vờ hỏi mượn xe mô tô hiệu Yamaha Exciter biển số 70B1-734.09 của anh P để về thăm cha thì anh P đồng ý. Sau đó bị cáo T đem xe của anh P đến tiệm cầm đồ ĐP của anh Trịnh Văn Đ thuộc ấp PĐ, xã PĐ cầm cố được 15.000.000 đồng. Đến 21 giờ cùng ngày, bị cáo T gọi điện thoại cho anh P nói đã cầm xe để lấy tiền trị bệnh cho cha và hứa chuộc xe trả lại cho anh P vào ngày 11-10-2019 thì anh P đồng ý.

Vụ thứ hai: Khoảng 09 giờ ngày 11-10-2019 bị cáo T gọi điện thoại cho anh Trần Minh T hỏi mượn tiền nhưng anh T không có nên bị cáo T hỏi mượn xe mô tô hiệu Honda Airblade biển số 70F1-075.50 của anh T cầm cố lấy tiền trả nợ và hứa 02 ngày sau sẽ trả. Sau đó bị cáo T nhận xe của anh T cầm cố được 10.000.000 đồng cất giữ chờ sang Campuchia đánh bạc.

Vụ thứ ba: Khoảng 11 giờ ngày 11-10-2019, sau khi cầm cố xe của anh T, bị cáo Tú đến Công ty S gặp anh Nguyễn Hoàng S để hỏi mượn tiền nhưng anh S không có nên bị cáo T hỏi mượn xe mô tô hiệu Yamaha Nouvo biển số 70U2-2773 của anh S để cầm cố và hứa sẽ chuộc trả lại vào ngày 13-10-2019. Sau khi mượn được xe, bị cáo T đem xe của anh Sa đến cầm cố tại tiệm cầm đồ ĐP được 5.000.000 đồng, rồi cất giữ chờ đem sang Campuchia đánh bạc.

Vụ thứ tư: Sau khi cầm cố được xe của anh Sa, bị cáo T tiếp tục gọi điện thoại cho anh Nguyễn Minh N hỏi mượn xe mô tô hiệu Honda Winner biển số 70F1-455.12 nói dối để về thăm cha bị bệnh nặng thì anh N đồng ý. Bị cáo T đến Công ty Sailun gặp anh N nhận xe rồi đem đến tiệm cầm đồ của anh Hồ Công M thuộc ấp LC, xã LK, huyện BC, tỉnh Tây Ninh nhờ anh M đem xe sang Campuchia cầm cố được 15.000.000 đồng cất giữ chờ sang Campuchia đánh bạc.

Ngày 13-10-2019 do anh T nhiều lần gọi điện thoại kêu bị cáo T chuộc xe nên bị cáo T chuộc xe trả lại cho anh T. Sau đó bị cáo T đem tiền cầm cố xe được sang Campuchia đánh bạc và thua hết, rồi bị giữ. Ngày 19-10-2019 ông Phạm Văn C là cha của bị cáo T mang tiền sang Campuchia chuộc bị cáo T về.

Đến hẹn, các bị hại điện thoại cho bị cáo T đòi xe thì bị cáo T hứa hẹn và tránh né. Sau đó anh N nhờ anh M chuộc xe với số tiền 15.300.000 đồng, anh P chuộc xe với số tiền 16.000.000 đồng, anh S chuộc xe với số tiền 6.000.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 106 ngày 12-11-2019 và số 117 ngày 30-12-2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Gò Dầu kết luận: xe mô tô hiệu Honda Winner biển số 70F1-455.12 trị giá 30.300.000 đồng; 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter biển số 70B1-734.09 trị giá 38.000.000 đồng; 01 xe mô tô hiệu Yamaha Nouvo biển số 70U2-2773 trị giá 3.800.000 đồng; xe mô tô

hiệu Honda Airblade biển số 70F1-075.50 trị giá 16.700.000 đồng. Tổng trị giá tài sản là 88.800.000 đồng.

Kết quả thu giữ và xử lý vật chứng: **các bị hại đã nhận lại xe mô tô của mình xong.**

Về bồi thường thiệt hại: Bị cáo T đã bồi thường cho anh P, anh N và anh S mỗi người 1.000.000 đồng. Anh T không yêu cầu bồi thường. Anh P yêu cầu bồi thường 14.000.000 đồng. Anh N yêu cầu bồi thường 14.300.000 đồng. Anh S yêu cầu bồi thường 4.600.000 đồng.

Về kê biên tài sản: Do bị cáo T không có tài sản nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh không kê biên.

Tại bản Cáo trạng số: 21/CT/VKSGD ngày 27-02-2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh đã truy tố các bị cáo Phạm Văn T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu, không có gì bào chữa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu trong phần tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Văn T **từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận anh T đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường; ghi nhận bị cáo đã bồi thường cho anh P, anh S và anh N mỗi người là 1.000.000 đồng và bị cáo đồng ý bồi thường cho anh P, anh N và anh S số tiền còn lại.

Lời nói sau cùng của bị cáo: **Bị cáo xin lỗi các bị hại, bị cáo đã hối hận về hành vi của mình, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại cho các bị hại; bị cáo là trụ cột gia đình xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về với gia đình và trả nợ cho các bị hại.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Gò Dầu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi của bị cáo thể hiện:

Tại phiên toà các bị cáo Phạm Văn T đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại và những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, **cụ thể được tóm tắt như sau:**

Do không có nghề nghiệp, thường xuyên qua Casino Campuchia đánh bạc và đang thiếu nợ nhiều người nên bị cáo Phạm Văn T nảy sinh ý định phạm tội. Trong các ngày 10-10-2019 và 11-10-2019 bị cáo tìm người quen là các anh Tô Trường P, Trần Minh T, Nguyễn Hoàng S và Nguyễn Minh N, sau đó bị cáo nói dối để mượn xe mô tô, bị cáo đem đi cầm cố lấy tiền đánh bạc. Đến hạn trả xe, các bị hại gọi điện thoại cho bị cáo đòi xe thì bị cáo T hứa hẹn và tránh né. Ngày 13-10-2019 do anh T nhiều lần gọi điện thoại kêu bị cáo T chuộc xe nên bị cáo T đến tiệm cầm đồ ĐP chuộc lại xe mô tô biển số 70F1-075.50 với số tiền 10.000.000 đồng trả lại cho anh T. Trong quá trình điều tra, bị cáo đã bồi thường cho anh P, anh S và anh N mỗi người 1.000.000 đồng.

Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Đối với hành vi của bị cáo Phạm Văn T xét thấy có đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, số tiền chiếm đoạt trên 50.000.000 đồng nên tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Đối với hành vi của anh Trịnh Văn Đ và Hồ Công M nhận cầm cố xe nhưng không biết xe do phạm tội mà có nên Công an huyện Gò Dầu chuyển xử phạt hành chính.

[3] Xét về tính chất mức độ, hành vi của bị cáo:

Bị cáo bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của nhiều người khác có giá trị trên 88.800.000 đồng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo phạm tội là do tham lam, không chịu lao động lương thiện để nuôi sống bản thân, mà lại muốn hưởng thụ sung sướng trên công sức lao động của người khác, muốn có **tiền tiêu xài, đánh bạc** mà bất chấp pháp luật nên từ đó dẫn bị cáo đến con đường phạm tội. Do đó, khi quyết định hình phạt cần tuyên đối với bị cáo một mức án nghiêm mới có đủ thời gian giáo dục riêng đối với bị cáo, nhằm cải tạo giáo dục bị cáo thành công dân tốt, biết chấp hành pháp luật khi hòa nhập cộng đồng, để đạt được mục đích giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân đối với bị cáo để có mức hình phạt phù hợp.

[4] Tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân:

Bị cáo là người chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trên 02 lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự **theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.**

[5] Về bồi thường thiệt hại: Ghi nhận anh T đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường; ghi nhận bị cáo đã bồi thường cho anh P, anh S và anh N mỗi

người là 1.000.000 đồng và đồng ý bồi thường cho anh P số tiền là 15.000.000 đồng, anh N số tiền là 15.300.000 đồng, anh S số tiền là 5.600.000 đồng.

[6] Về xử lý vật chứng: Các bị hại đã chuộc lại xe mô tô gồm: 01 xe mô tô hiệu Honda Winner biển số 70F1-455.12, 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter biển số 70B1-734.09 và 01 xe mô tô hiệu Yamaha Nouvo biển số 70U2-2773. Anh T đã nhận lại xe mô tô biển số 70F1-075.50.

[7] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và tiền án phí dân sự sơ thẩm (5% trên số tiền phải bồi thường là 32.900.000 đồng) theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174; **điểm** s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T **03 (ba) năm tù.**

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam là 18-12-2019.

3. Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Xử lý vật chứng: Ghi nhận các bị hại đã nhận lại xe mô tô gồm: 01 xe mô tô hiệu Honda Winner biển số 70F1-455.12, 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter biển số 70B1-734.09, 01 xe mô tô hiệu Yamaha Nouvo biển số 70U2-2773 và 01 xe mô tô hiệu Honda Airblade biển số 70F1-075.50.

- Bồi thường thiệt hại: Ghi nhận anh T đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường; ghi nhận bị cáo đã bồi thường cho anh P, anh S và anh N mỗi người là 1.000.000 đồng. Buộc bị cáo Phạm Văn T phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Tô Trường P số tiền là 14.000.000 đồng, anh Nguyễn Minh N số tiền là 14.300.000 đồng, anh Nguyễn Hoàng S số tiền là 4.600.000 đồng.

4. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung.

5. Án phí: Bị cáo Phạm Văn T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 1.645.000 đồng (một triệu sáu trăm bốn mươi lăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (bị hại) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án (bị cáo) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VP.CQCSĐT CA tỉnh Tây Ninh;
- Phòng PV 06 CA tỉnh Tây Ninh;
- Cục THADS tỉnh Tây Ninh;
- Phòng lý lịch STP tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV. TATTN;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- Công an huyện Gò Dầu;
- Nhà tạm giữ - CAH.Gò Dầu;
- Bị cáo;
- Những người TGTT khác;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án HSST.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Minh Hiếu

